

**CHƯƠNG 3:**  
**ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ**  
**TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI**  
**(TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY)**

**I. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)**

**1.1. Bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1981)**

***1.1.1. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước***

- Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên CNXH. Để thực hiện bước quá độ này, nhiệm vụ đầu tiên, bức thiết nhất là lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, cụ thể là thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền (Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam).

- Hội nghị lần thứ 24 BCH TƯ Đảng (tháng 9/1975) nhấn mạnh: Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của cách mạng và của lịch sử dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đó, Hội nghị chủ trương hoàn thành thống nhất nước nhà về mọi mặt, nhất là về tổ chức bộ máy Nhà nước. Thống nhất càng sớm thì càng mau chóng phát huy sức mạnh mới của đất nước, kịp thời ngăn ngừa và phá tan âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động trong nước và trên thế giới.

- Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, Hội nghị hiệp thương chính trị diễn ra tại Sài Gòn. Đoàn đại biểu miền Bắc do đồng chí Trường Chinh dẫn đầu và Đoàn đại biểu miền Nam do đồng chí Phạm Hùng dẫn đầu. Thông cáo hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước; cần tổ chức cuộc tổng tuyển cử trên toàn quốc theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín, bầu ra Quốc hội chung cho cả nước.

- Ngày 3/1/1976, BCT đã ra chỉ thị *Về việc lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung* của cả nước và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử. Ngày

25/4/1976, cử tri cả nước phần khởi đi bỏ phiếu, đạt tỷ lệ 98,77%. Hơn 490 đại biểu được bầu vào Quốc hội gồm đủ các thành phần công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang, đại biểu các tầng lớp thanh niên, phụ nữ, đại biểu các dân tộc thiểu số và các tôn giáo.

- Từ ngày 24/6 đến ngày 3/7/1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (Quốc hội khoá VI) được tiến hành tại Hà Nội. Quốc hội đã quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy mang dòng chữ “Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Sài Gòn được mang tên thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước; đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội; đồng chí Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

=> Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; là cơ sở thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên CNXH. Điều đó còn thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

#### ***1.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976)***

Từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV họp tại thủ đô Hà Nội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và đề ra đường lối đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tham dự Đại hội có 1.008 đại biểu thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trong cả nước và gần 30 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế:

- Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đại hội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khẳng định thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc

như một trong những trang chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có ý nghĩa quốc tế quan trọng, có tính thời đại sâu sắc.

- Đại hội đã phân tích tình hình thế giới, trong nước và nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: nước ta từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; hậu quả chiến tranh còn rất nặng nề; cuộc đấu tranh giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng trên thế giới vẫn diễn ra gay go, quyết liệt. Trong ba đặc điểm trên, đặc điểm đầu tiên là lớn nhất, quy định nội dung, hình thức, bước đi của cách mạng XHCN ở nước ta.

- Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng XHCN trong giai đoạn mới ở nước ta là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”

- Về đường lối CNH XHCN trên phạm vi cả nước: “Đẩy mạnh CNH XHCN, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất”.

- Phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa (1976 - 1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới; tăng cường Nhà nước XHCN, phát huy vai trò của các đoàn thể, làm tốt công tác quần chúng; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

- Đại hội quyết định bổ sung Điều lệ Đảng, đặt chức danh Tổng Bí thư thay chức danh Bí thư thứ nhất BCHTƯ Đảng; bầu BCHTƯ mới gồm 101 ủy viên chính thức, BCT gồm 14 ủy viên chính thức, Ban Bí thư gồm 9 ủy viên, đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư.

=> Đại hội lần IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, con đường lịch sử mà Hồ Chí Minh đã chọn. Tuy nhiên, Đại hội lần thứ IV chưa tổng kết được kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; chưa nhấn mạnh việc bức thiết phải làm sau chiến tranh là khắc phục hậu quả chiến tranh; đặc biệt là chưa xác định được nội dung của chặng đường đầu tiên tiến lên chủ nghĩa xã hội, nóng vội “tả khuynh” trong việc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước vốn là nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

### ***1.1.3. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1976 - 1981)***

#### **\* Cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội:**

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, BCHTƯ đã tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và phân phối lưu thông:

- Hội nghị Trung ương 6 (tháng 8/1979) được xem là *bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo XHCN, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”:

+ Hội nghị đã đánh giá về thực trạng đất nước, tập trung bàn về phương hướng phát triển hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương nhằm khắc phục tình trạng khan hiếm

ng nghiêm trọng các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu.

+ Thông qua Nghị quyết 20-NQ/TW *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách* nêu lên ba nhiệm vụ phải thực hiện từ năm 1979 đến năm 1981 là đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân, tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc; kiên trì đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế - xã hội, nhất là các tệ nạn ăn cắp, hối lộ và ức hiếp quần chúng; nhiệm vụ quan trọng nhất là động viên cao độ và tổ chức toàn dân, toàn quân đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

+ Thông qua Nghị quyết 21-NQ/TW *Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển hàng công nghiệp tiêu dùng và công nghiệp địa phương*, chủ trương bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của cơ sở; thực hiện chế độ kế hoạch hóa ba cấp (I, II, III: Trung ương, tỉnh, huyện) và kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường, nhằm tạo điều kiện phát huy hết năng lực sản xuất, chủ động trong sản xuất và kinh doanh; phát huy tác dụng của các thành phần kinh tế. Khuyến khích chính sách xuất khẩu trực tiếp với thị trường thế giới. Cho phép cải tiến chế độ lợi nhuận xí nghiệp, cải tiến chế độ lưu thông vật tư hàng hoá gắn với thị trường.

=> Cốt lõi của hai nghị quyết trên là nhằm tháo gỡ từng bước những ràng buộc của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, mở hướng cho “sản xuất bung ra”, kết hợp “ba lợi ích”, kích thích lực lượng sản xuất phát triển, đáp ứng yêu cầu bức xúc của đời sống. Hội nghị này là sự khởi đầu chuyển biến, đổi mới nhận thức về đường lối kinh tế của Đảng.

- Thực hiện tinh thần làm cho “sản xuất bung ra” của Đảng, Chính phủ đã lần lượt công bố một loạt những quyết định mới về kinh tế như: Quyết định ngày 16/8/1979 *Về việc bãi bỏ các trạm kiểm soát có tính chất ngăn sông cấm chợ, ngăn cản việc lưu thông hàng hoá*. Quyết định ngày 10/9/1979 *Về việc khuyến khích tận dụng ruộng đất trong nông nghiệp vào sản xuất*. Quyết định ngày 3/10/1979 *Về chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò không hạn chế về số lượng, sản phẩm chăn nuôi được tự do sử dụng, trao đổi mua bán, xoá bỏ mọi hình thức cấm vận trâu bò*. Quyết định ngày 13/10/1979 *Về việc mở rộng kinh doanh theo nguyên tắc hợp đồng kinh tế hai chiều* giữa Nhà nước và cơ sở

sản xuất. Ngoài sản phẩm nộp nghĩa vụ và hợp đồng, khuyến khích trao đổi theo giá thỏa thuận. Quyết định ngày 5/11/1979 *Về chính sách phân phối thu nhập trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp*, thừa nhận phân phối bằng tiền và hiện vật, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động nhằm kích thích sản xuất nông nghiệp phát triển.

- Trước hiện tượng “khoán chui” trong hợp tác xã nông nghiệp ở một số địa phương, đây được xem là một nét mới và là biện pháp then chốt để đưa nông nghiệp phát triển. Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100-CT/TW *Về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*.

- Trong lĩnh vực công nghiệp, trước các hiện tượng “xé rào” bù giá vào lương ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định 25-CP (ngày 21/1/1981) *Về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh*. Quyết định 26-CP (ngày 21/1/1981) *Về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước* nhằm thúc đẩy người lao động hăng hái sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập.

=> Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư đã tạo điều kiện cho nông nghiệp có chuyển biến mới. Các Quyết định 25-CP và 26-CP đã giúp cho các cơ sở tháo gỡ được một phần khó khăn trong sản xuất, khuyến khích người lao động thi đua tăng năng suất, làm thêm giờ, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, phát huy sáng kiến. Tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp giảm dần.

- Ngày 23/6/1980, BCT ra Nghị quyết 26-NQ/TW *Về cải tiến công tác phân phối, lưu thông*. Nghị quyết nhấn mạnh nguyên tắc: giá cả phù hợp với chi phí sản xuất và lưu thông; tạo những tiền đề cần thiết để tiến tới xóa bỏ từng bước chế độ cung cấp theo tem phiếu.

**\* Bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia:**

Sau 30 năm đấu tranh giành độc lập, tự do, nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là hòa bình, thống nhất để xây dựng đất nước. Song chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã cấu kết với nhau ra sức chống phá cách mạng:

- Từ tháng 4/1975, tập đoàn Pôn Pốt đã thi hành chính sách diệt chủng ở Campuchia và tăng cường chống Việt Nam. Ngày 3/5/1975, chúng cho quân đổ bộ lên đảo Phú Quốc và sau đó chiếm đảo Thổ Chu của Việt Nam. Từ tháng 4/1977, chúng tiến hành hàng ngàn vụ tấn công vũ trang trên biên giới Việt Nam, cắt đứt quan hệ ngoại giao, tăng cường lấn chiếm đất đai, giết hại nhân dân ta bằng những hình thức vô cùng dã man. Đảng và Chính phủ Việt Nam đã nhiều lần đề nghị hai bên cùng đàm phán để giải quyết xung đột nhưng tập đoàn Pôn Pốt đều từ chối. Cuối tháng 12/1977, chúng huy động 19 sư đoàn (trong tổng số 23 sư đoàn) mở cuộc tiến công xâm lược quy mô lớn vào vùng biên giới Tây Nam Việt Nam.

-> Ngày 26/12/1978, Bộ Chỉ huy quân đội cách mạng, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia quyết định phát động phong trào nổi dậy của quần chúng toàn quốc và kêu gọi quân tình nguyện Việt Nam giúp đỡ tiêu diệt bè lũ diệt chủng. Đáp lời kêu gọi đó, quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Campuchia đã phối hợp chặt chẽ tiến công tập đoàn Pôn Pốt. Ngày 7/1/1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, chế độ diệt chủng Campuchia được xoá bỏ.

-> Ngày 18/2/1979, Việt Nam và Campuchia ký *Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác*. Theo nội dung của Hiệp ước quân đội Việt Nam tiếp tục có mặt ở Campuchia để cùng phía bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của cả hai nước.

- Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), Trung Quốc cùng các nước xã hội chủ nghĩa đã dành cho nhân dân Việt Nam sự ủng hộ và giúp đỡ toàn diện, to lớn và quý báu. Nhưng từ năm 1978, quan hệ của Trung Quốc với Việt Nam xấu đi rõ rệt. Trên tuyến biên giới Việt - Trung liên tiếp diễn ra các vụ xung

đột. Ngày 17/2/1979, Trung Quốc đã cho quân đội đồng loạt đánh sang biên giới 6 tỉnh nước ta từ Lai Châu đến Quảng Ninh, gây ra những thiệt hại rất nặng nề. Quân dân Việt Nam, được nhân dân thế giới ủng hộ đã chiến đấu anh dũng bảo vệ đất nước, tiêu biểu là các anh hùng liệt sĩ Lê Đình Chinh, Hoàng Thị Hồng Chiêm...

-> Ngày 5/3/1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân và đến ngày 18/3/1979 quân Trung Quốc đã rút hết về nước.

-> Ngày 18/4/1979, Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu đàm phán để khôi phục hoà bình, an ninh ở biên giới, giải quyết tranh chấp về biên giới lãnh thổ.

## **1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế**

### ***1.2.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982)***

- Từ năm 1975 đến năm 1981, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân cả nước đã giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, sau 5 năm, bên cạnh những thành tựu, đất nước ta đã gặp nhiều khó khăn, cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội xuất hiện. Về tình hình quốc tế, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động ra sức tuyên truyền xuyên tạc quân tình nguyện Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương.

- Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V họp tại thủ đô Hà Nội. Tham dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế:

+ Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội trong 5 năm 1981 - 1985 (kế hoạch 5 năm lần thứ ba)... Đại hội đã kiểm điểm một cách toàn diện sự lãnh đạo của Đảng từ Đại hội IV; đánh giá những thành tựu và khuyết điểm, phân tích nguyên nhân của những thắng lợi và khó khăn của đất nước; những biến động của tình hình thế giới.

+ Đại hội khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH. Đó là thời kỳ khó khăn, phức tạp, lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường.



Nhiệm vụ của chặng đường trước mắt là ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu; đáp ứng nhu cầu của quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

+ Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường đầu tiên là tập trung phát triển nông nghiệp, *coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng (công nghiệp nhẹ); việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức* nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

+ Đại hội đã thông qua Điều lệ (sửa đổi) của Đảng và bầu BCHTƯ Đảng gồm 116 ủy viên chính thức và 36 ủy viên dự khuyết. BCT gồm có 13 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại giữ chức Tổng Bí thư.

=> Đại hội lần V của Đảng đã có những nhận thức mới trong bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Tuy nhiên, Đại hội chưa thấy được sự cần thiết phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa xác định được những quan điểm cụ thể về kết hợp kế hoạch với thị trường, công tác quản lý lưu thông, phân phối vẫn một chiều do kế hoạch nhà nước quyết định; vẫn tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho việc phát triển công nghiệp nặng, không dứt khoát dành thêm vốn và vật tư cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng...

### ***1.2.2. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế***

Sau Đại hội V, Trung ương Đảng có nhiều hội nghị cụ thể hóa, thực hiện Nghị quyết Đại hội. Nổi bật là hai bước đột phá tiếp theo về đổi mới kinh tế (kể từ bước đột phá mở đầu tại Hội nghị Trung ương 6 khoá IV - 8/1979):

- Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6/1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng. Tại hội nghị này, Trung ương chủ trương xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trong giá và lương:

+ Tính đủ chi phí giá thành sản phẩm, giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có lợi nhuận thỏa đáng và Nhà nước từng bước có tích lũy.

- + Xóa bỏ tình trạng Nhà nước mua thấp, bán thấp và bù lỗ.
- + Thực hiện cơ chế một giá trong toàn bộ hệ thống, khắc phục tình trạng thả nổi trong việc định giá và quản lý giá.
- + Xóa bỏ chế độ bao cấp bằng hiện vật theo giá thấp, chuyển mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa...

**-> Giá, lương, tiền là khâu đột phá để chuyển đổi cơ chế.**

- Hội nghị BCT khoá V (8/1986 và cuối 1986) “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là *bước đột phá thứ ba* về đổi mới kinh tế, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời đường lối đổi mới của Đảng. Nội dung đổi mới có tính đột phá là:

- + *Về cơ cấu sản xuất*, lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có chọn lọc cả về quy mô và nhịp độ.
- + *Về cải tạo xã hội chủ nghĩa*, xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.
- + *Về cơ chế quản lý kinh tế*, đổi mới kế hoạch hóa theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế XHCN, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hóa - tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh...

=> Những kết luận trên đây là kết quả tổng hợp của cả quá trình tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh giữa quan điểm mới và quan điểm cũ, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Những quan điểm mới được trình bày trong bản kết luận đã định hướng cho việc soạn thảo Báo cáo chính trị để trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

## **II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)**

### **2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986 - 1996)**

### **2.1.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và bước đầu thực hiện đổi mới (1986 - 1991)**

#### **\* Hoàn cảnh lịch sử:**

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) diễn ra trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai phát triển mạnh mẽ; xu thế hòa bình, đổi mới phát triển kinh tế ở nhiều nước trên thế giới. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu được tiến hành nhưng càng ngày càng lún sâu vào khủng hoảng, trì trệ.

- Nước ta vẫn trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm (1976 - 1980) chỉ đạt 1,6%, sản xuất trong nước không đủ tiêu dùng. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng khan hiếm; lạm phát tăng từ 300% năm 1985 lên tới 774% năm 1986. Trong xã hội xuất hiện nhiều tiêu cực, nhiều hiện tượng vi phạm pháp luật. Các thế lực thù địch tăng cường bao vây, cấm vận, kích động, lôi kéo người vượt biên trái phép... Yêu cầu đổi mới đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và phát triển đặt ra rất cấp thiết.

#### **\* Nội dung chủ yếu của Đại hội VI (1986):**

Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI họp tại thủ đô Hà Nội. Tham dự đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho hơn hai triệu đảng viên cả nước, 35 đoàn đại biểu của các Đảng và các tổ chức quốc tế:

- Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1986 - 1990, Báo cáo về bổ sung Điều lệ Đảng; bầu BCH TƯ gồm 124 ủy viên chính thức, đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư.

- Báo cáo chính trị của Đại hội, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật” đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo của Đảng giai đoạn 1975 - 1986, nguyên nhân của thực trạng đó và chỉ ra 4 bài học:

+ Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

+ *Hai là*, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

+ *Ba là*, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

+ *Bốn là*, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Đại hội chủ trương đổi mới toàn diện công cuộc xây dựng đất nước với những nhiệm vụ trọng tâm:

+ *Về đổi mới kinh tế*: Mục tiêu đặt ra cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Phát triển nhiều thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; trước hết là giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

+ *Về quốc phòng và an ninh*: Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

+ *Về nhiệm vụ đối ngoại*: Góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới; tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương.

+ *Về đổi mới hệ thống chính trị*: Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực hiện, Đảng phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Ngoài ra, phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện khẩu hiệu “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu để huy

động lực lượng của quần chúng.

=> Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước ngoặt trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mở ra thời kỳ phát triển mới cho cách mạng Việt Nam.

**\* Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VI (1986 - 1991):**

(SV tìm hiểu thêm)

**2.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và thực hiện đường lối đổi mới (1991 - 1996)**

**\* Hoàn cảnh lịch sử:**

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) diễn ra trong bối cảnh khủng hoảng, sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu tác động bất lợi đến cách mạng thế giới và Việt Nam. Các thế lực đế quốc và phản động tấn công quyết liệt nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Ở trong nước, sau 4 năm thực hiện đường lối đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội có những biến chuyển, song vẫn chưa thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng.

**\* Nội dung chủ yếu của Đại hội VII (1991):**

Từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII họp tại thủ đô Hà Nội. Tham dự đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn hai triệu đảng viên cả nước:

- Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng; bầu BCHTƯ gồm 146 ủy viên chính thức, đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam:

+ 5 bài học kinh nghiệm lớn: 1 - Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. 2 - Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. 3 - Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. 4 - Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. 5 - Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

+ 6 đặc trưng cơ bản của mô hình XHCN mà Việt Nam xây dựng: 1 - Do nhân dân lao động làm chủ. 2 - Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. 3 - Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. 4 - Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. 5 - Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. 6 - Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

+ 7 phương hướng lớn xây dựng CNXH: 1 - Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. 2 - Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại; phát triển một nền nông nghiệp toàn diện. 3 - Thiết lập quan hệ sản xuất từ thấp đến cao, đa dạng về hình thức sở hữu và phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. 4 - Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa. 5 - Thực hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc. 6 - Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. 7 - Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

+ Cương lĩnh chỉ rõ quá độ lên CNXH ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường, “*Mục tiêu tổng quát* phải đạt tới, khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của CNXH, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước XHCN phồn vinh”.

- Cái mới của Đại hội VII là lần đầu tiên thông qua văn kiện có tầm nhìn 10 năm là *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, trong đó xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu

vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Quan điểm chỉ đạo của chiến lược này là đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể và của cả cộng đồng, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Nền kinh tế có nhiều thành phần với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Tổng kết 5 năm đổi mới (1986 - 1991), *Báo cáo chính trị* của Đại hội đã đánh giá thành công, hạn chế, nguyên nhân, bài học và chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện:

+ *Về kinh tế*: Tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

+ *Về đối ngoại*: Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Phương châm thực hiện: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

+ *Về đổi mới và chỉnh đốn Đảng*: Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn liền với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, cải cách bộ máy nhà nước, đổi mới công tác quần chúng, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng.

Tại Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng đã nêu lên khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động...”.

=> Đại hội VII của Đảng là “*Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết*”. Đại hội đã hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và những giải pháp đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Thành công của Đại hội đã củng cố thêm niềm tin tưởng của nhân dân đối với công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo.

**\* Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VII (1991 - 1996):**

(SV tìm hiểu thêm)